TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67 /2017/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 12 năm 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuân
Ông Đỗ Xuân Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê *tham gia phiên tòa:* Ông Trương Quang Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 382-2/2017/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 382-4/2017/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hồng K**, sinh năm 1968; Địa chỉ: K600/18 đường V, phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Bà **Phùng Thị Minh H**, sinh năm 1960; Địa chỉ K600/18 đường đường V, phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và các Biên bản hòa giải, nguyên đơn - ông Nguyễn Hồng K trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Phùng Thị Minh H kết hôn vào ngày 02/11/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, có thời gian tìm hiểu nhau được 02 năm và có tổ chức kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chúng tôi sống nhờ tại nhà người bạn tại

phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, trong khoảng thời gian chung sống với nhau được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, bà H làm ăn thất bại rồi lợi dụng những mối quan hệ của tôi để vay mượn tiền tiêu xài làm ảnh hưởng đến uy tín của tôi. Đỉnh điểm là tháng 7 năm 2015 bà H gây ra nợ nần và bỏ nhà ra đi, đến tháng 4 năm 2016, bản thân tôi đã làm hồ sơ tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với bà H nhưng đến nay bà H vẫn không quay về. Tôi cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn để chung sống lại với nhau được nữa. Vì vậy, mong Tòa án ghi nhận và xét xử cho tôi được ly hôn với bà Phùng Thị Minh H

- Về con chung: Tôi xác định tôi và bà H có 01 con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 19/11/1997. Con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác định không có.

* Đối với Bị đơn - bà Phùng Thị Minh H: Từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo triệu tập; thông báo của Toà án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên toà nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho ông Nguyễn Hồng K được ly hôn với bà Phùng Thị Minh H. Con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến. Tài sản chung không yêu cầu và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Phùng Thị Minh H mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Hồng K và bà Phùng Thị Minh H kết hôn với nhau vào năm 2001, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông K trình bày thì vợ chồng chung sống được khoảng gần 5 năm

thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bà H làm ăn thất bại rồi lợi dụng những mối quan hệ của ông để vay mượn tiền tiêu xài làm ảnh hưởng đến uy tín của ông. Từ tháng 7 năm 2015 bà H gây ra nợ nần và bỏ nhà ra đi, từ thời gian đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Ông K nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà Phùng Thị Minh H.

[3] Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn thì thấy: Mối quan hệ hôn nhân chỉ thực sự tồn tại khi vợ chồng yêu thương, cùng nhau xây đắp gia đình. Tuy nhiên, với hôn nhân của vợ chồng ông K bà H thì mâu thuẫn đã kéo dài từ nhiều năm nay, ông K đã không còn tình cảm, không muốn sống chung với bà H nữa. Hiện tại, ông bà đã sống ly thân được hai năm. Về phía bà H không tham gia tố tụng dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Điều này thể hiện bà H cũng đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông K bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Hồng K là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu về quan hệ con chung thì thấy: Ông Nguyễn Hồng K xác định vợ chồng có con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 19/11/1997 . Do con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Hồng K trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn bà Phùng Thị Minh H vắng mặt nên không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Hồng K trình bày không có, còn bà Phùng Thị Minh H vắng mặt nên không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

[8] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 180, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp ly hôn " của ông Nguyễn Hồng K đối với bà Phùng Thị Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hồng K được ly hôn với bà Phùng Thị Minh H

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 139/2001, ngày 02/11/2001 của UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.)

2. Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Hồng K và bà Phùng Thị Minh H có 01(một) con chung tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 19/11/1997, đã trưởng thành và phát triển bình thường. Tòa án không đề cập giải quyết.

3. Án phí và chi phí tố tụng khác:

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm**:** 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Hồng K phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0007385 ngày 13 tháng 7 năm 2017.

- Chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng: 2.250.000 (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng, ông Nguyễn Hồng K phải chịu, đã nộp đủ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND quận Thanh Khê
- Chi cục THADS quận Thanh Khê
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai